TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN ĐỘNG
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Bản án: **15** /2019/HNGĐ - ST
Ngày 13 - 11 - 2019
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN ĐỘNG – TỈNH BẮC GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Văn Toàn.
Các Hội thẩm nhân dân :
1- Bà Hoàng Thị Chung;
2- Ông Nguyễn Văn Khôi;

- ***Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Thế Thiện*** – Thư ký Toà án nhân dân huyện Sơn Động.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Động tham gia phiên toà:*** Ông Đào Duy Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2019; tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 91/2019/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 9 năm 2019 về việc " Tranh chấp hôn nhân và gia đình"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2019/QĐXX-ST, ngày 28 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Nông Thị D, sinh năm 1979; Có mặt
Địa chỉ: Thôn Đồng H, xã Y, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

* Bị đơn: Anh Trần Văn S (X), sinh năm 1974; Có mặt
Địa chỉ: Thôn Đồng H, xã Y, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Trong đơn khởi kiện, những lời khai tiếp theo có trong hồ sơ trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nông Thị Dậu trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Trần Văn S vào ngày 21 tháng 01 năm 2005, trước khi kết hôn hai bên có tự do tìm hiểu và tự nguyện lấy nhau, có tổ chức cưới, sau có đăng ký kết hôn tại UBND xã G. Cưới xong chị về gia đình anh S ở làm dâu luôn, tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng: Phát sinh từ tháng 02 năm 2018, do anh S hay rượu chè, không chịu làm ăn, không quan tâm đến vợ con, chị đã khuyên bảo anh S nhiều lần nhưng không được nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau và đánh nhau; vợ chồng sống ly thân từ tháng 01 năm 2019 cho đến nay, chị đã về nhà bố mẹ đẻ của mình ở.

Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh S được ly hôn nhau.

Về con chung: Chị và anh Sềnh có 02 con chung là cháu Trần Văn T, sinh ngày 23/02/2007 và Trần Thị H, sinh ngày 05/8/2010, hiện nay hai cháu đang ở cùng với chị; nếu vợ chồng ly hôn thì chị xin nuôi cả 02 cháu. Về cấp dưỡng nuôi con chị không có yêu cầu, vì anh S không chịu làm ăn nên không có thu nhập.

Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn anh Trần Văn S xác nhận một phần lời khai của chị D trong biên bản ghi lời khai, tại phiên tòa anh S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh kết hôn cùng chị Nông Thị D vào tháng 01 năm 2005, trước khi kết hôn hai bên có tự do tìm hiểu và tự nguyện lấy nhau, có tổ chức cưới, sau có đăng ký kết hôn tại UBND xã G. Sau ngày cưới chị D về gia đình anh ở làm dâu luôn, tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng: Phát sinh từ tháng 02 năm 2018, do vợ chồng không hợp nhau, bảo nhau không ai nghe ai trong cuộc sống nên hay cãi nhau nhiều lần; vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 01/2019 cho đến nay, chị D đã về nhà bố mẹ đẻ ở.

Nay chị D xin ly hôn anh không đồng ý, anh xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh muốn vợ chồng về đoàn tụ để vợ chồng nuôi dưỡng con cái.

Về con chung: Anh chị có 2 con chung là Trần Văn T, sinh ngày 23/2/2007 và Trần Thị H, sinh ngày 05/8/2010; hiện cháu đang ở cùng chị D. Nếu ly hôn anh để chị D nuôi cả 2 cháu, về cấp dưỡng nuôi con tự thỏa thuận.

Về tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên toà: Chị Nông Thị D vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày ở trên, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh S được ly hôn theo quy định của pháp luật, anh S không nhất trí ly hôn.

3. Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi mở phiên toà, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng thủ tục tố tụng; tại phiên toà, Hội đồng xét xử tiến hành đúng trình tự, thủ tục của phiên toà sơ thẩm; nguyên đơn và bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo pháp luật quy định.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 19; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147, Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nông Thị D và anh Trần Văn S được ly hôn nhau.

Về con chung: Giao cho chị Nông Thị D tiếp tục nuôi dưỡng cả 02 con chung là cháu Trần Văn T, sinh ngày 23/2/2007 và Trần Thị H, sinh ngày 05/8/2010; Về cấp dưỡng nuôi con chị D không có yêu cầu.

Về tài sản: Chị D không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Nông Thị D được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1) Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn chị Nông Thị D, bị đơn anh Trần Văn S cung cấp và những tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập được thì có cơ sở xác định: Chị Nông Thị D kết hôn với anh Trần Văn S vào ngày 21 tháng 01 năm 2005, trước khi kết hôn hai bên có tự do tìm hiểu và tự nguyện lấy nhau, có tổ chức cưới, sau có đăng ký kết hôn tại UBND xã G số 02 ngày 21 tháng 01 năm 2005. Cưới xong chị D về gia đình anh S ở làm dâu luôn, tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc. Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh S là hợp pháp.

Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ tháng 02 năm 2018, do anh S hay rượu chè, không chịu làm ăn, không quan tâm đến vợ con, chị D đã khuyên bảo anh S nhiều lần nhưng không được nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau và anh S có đánh chị; vợ chồng sống ly thân từ tháng 01 năm 2019 cho đến nay, chị D đã về nhà bố mẹ đẻ của mình ở.

Xét thấy lời khai của chị D, anh S cung cấp và xác minh tại UBND xã Y, huyện Sơn Động thì thấy: Quá trình chung sống với nhau anh S không chịu làm ăn, hay rượu chè, anh S không quan tâm giúp đỡ đến vợ và không quan tâm chăm sóc con nên vợ chồng đã hay cãi nhau và đánh nhau; anh S đã vi phạm nghĩa vụ sống chung với nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được; cần chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nông Thị D; cho chị D và anh S được ly hôn nhau theo khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

2) Về con chung: Chị D và anh S có 02 con chung là cháu Trần Văn T, sinh ngày 23/2/2007 và Trần Thị H, sinh ngày 05/8/2010; hiện nay 2 cháu đang ở cùng chị D, chị D có nguyện vọng xin nuôi cả 2 con, anh S đồng ý với ý kiến của chị D và 2 cháu đều có nguyện vọng ở với chị D. Hiện nay anh S không chịu làm ăn, thu nhập chỉ đủ nuôi bản thân; chị D làm nông nghiệp và làm thêm có mức thu nhập khoảng 4.000.000đ/tháng. Xét về ý kiến của anh S, chị D, ý kiến của các con và nguồn thu nhập, thì cần tiếp tục giao cho chị Nông Thị D nuôi dưỡng cả 02 con chung là cháu Trần Văn T và Trần Thị H. Về cấp dưỡng nuôi con chị D không có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3) Về tài sản: Chị D, anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ tài sản; vì thế Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

4) Về án phí: Chị Nông Thị D thuộc hộ nghèo nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 19; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nông Thị D và anh Trần Văn S (X) được ly hôn nhau.

[2] Về con chung: Giao cho chị Nông Thị D tiếp tục nuôi dưỡng cả 02 con chung là cháu Trần Văn T, sinh ngày 23/2/2007 và Trần Thị H, sinh ngày 05/8/2010; anh S có quyền thăm con sau ly hôn, không ai được cản trở quyền này của anh Sềnh.

Về cấp dưỡng nuôi con chị D không có yêu cầu.

[3] Về án phí: Chị Nông Thị D được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm; báo cho đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Sơn Động;
- Chi cục THADS huyện Sơn Động;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã G;
- Lưu HS, VP .

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Toàn